

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		50.675.681.835	68.314.172.367
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.121.078.949	225.789.124
1. Tiền	111	4	1.121.078.949	225.789.124
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.148.126.848	48.571.181.936
1. Phải thu khách hàng	131		41.401.312.147	40.332.256.878
2. Trả trước cho người bán	132		93.769.312	6.620.101.285
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch H.đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.653.045.389	1.618.823.773
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	5	6.198.220.601	19.179.731.750
1. Hàng tồn kho	141		6.198.220.601	19.179.731.750
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		208.255.437	337.469.557
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		73.255.437	229.469.557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		135.000.000	108.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		81.013.563.081	82.704.501.608
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		24.825.712.273	24.619.922.324
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.2	2.381.784.668	2.808.795.665
- Nguyên giá	222		11.616.976.863	11.616.976.863
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.235.192.195)	(8.808.181.198)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.1	2.133.326	11.733.329
- Nguyên giá	228		241.351.000	241.351.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(239.217.674)	(229.617.671)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	22.441.794.279	21.799.393.330

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		56.143.319.371	57.996.902.652
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	8,1	29.235.000.000	33.225.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8,2	36.502.511.652	31.502.511.652
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(9.594.192.281)	(6.730.609.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		44.531.437	87.676.632
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		44.531.437	87.676.632
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		131.689.244.916	151.018.673.975

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		30.725.633.500	40.934.079.327
I. Nợ ngắn hạn	310		20.822.590.892	29.609.036.719
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	2.700.000.000	6.546.699.022
2. Phải trả người bán	312		1.612.449.858	15.215.730.182
3. Người mua trả tiền trước	313		3.648.067.135	3.944.590.700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	797.125.158	1.388.630.173
5. Phải trả người lao động	315		632.894.860	
6. Chi phí phải trả	316		535.565.617	209.510.052
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	10.599.259.856	1.948.777.182
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		297.228.408	355.099.408
II. Nợ dài hạn	330		9.903.042.608	11.325.042.608
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	12	9.903.042.608	11.325.042.608
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		100.963.611.416	110.084.594.648
I. Vốn chủ sở hữu	410		100.963.611.416	110.084.594.648
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	87.000.000.000	87.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(146.882.984)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.526.899.032	3.526.899.032
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.824.070.176	1.637.807.534
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.812.642.208	13.266.771.066

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		131.689.244.916	151.018.673.975

TP HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2012.

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ TRẦN QUỐC



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



BÙI NAM LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III - Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	14	18.984.695.154	60.704.607.015	60.448.578.809	161.676.129.966
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		194.714.491	108.227.986	409.316.357	313.181.255
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		18.789.980.663	60.596.379.029	60.039.262.452	161.362.948.711
4. Giá vốn hàng bán	11	15	16.825.580.999	56.712.122.090	54.378.708.241	151.036.939.423
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.964.399.664	3.884.256.939	5.660.554.211	10.326.009.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	2.513.192	4.087.849	1.130.706.483	2.571.667.607
7. Chi phí tài chính	22	17	93.307.081	200.807.218	3.406.134.749	2.996.844.771
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		90.825.000	195.484.026	234.186.284	215.545.139
8. Chi phí bán hàng	24		710.853.392	1.235.093.967	2.335.318.455	2.816.875.177
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		724.427.463	798.880.588	1.991.076.684	2.772.514.997
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		438.324.920	1.653.563.015	(941.269.194)	4.311.441.950
11. Thu nhập khác	31			243.232.726	488.421.815	724.287.268
12. Chi phí khác	32		296.250	60.076.251	115.018.837	180.228.753
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(296.250)	183.156.475	373.402.978	544.058.515
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		438.028.670	1.836.719.490	(567.866.216)	4.855.500.465
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19		338.086.983		954.596.437
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		438.028.670	1.498.632.507	(567.866.216)	3.900.904.028
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		50	172	-65	448

TP.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2012.

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THU PHƯỢNG

NGUYỄN THỊ THU PHƯỢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VÔ TRẦN QUỐC

VÔ TRẦN QUỐC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



BÙI NAM LONG

BÙI NAM LONG

Trang: 4

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp trực tiếp) (*) QUÝ III- NĂM 2012

ĐVT : đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		63.311.218.558	142.748.506.095
2. Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ	2		(52.325.615.542)	(136.099.086.892)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(4.333.932.332)	(4.635.221.675)
4. Chi trả lãi vay	4		(177.536.284)	(207.239.583)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(706.750.423)	(282.859.221)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.419.772.600	3.510.000.778
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(4.383.913.225)	(3.565.457.527)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		3.803.243.352	1.468.641.975
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	3.045.000.000
5. Tiền chi đóng góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.010.000.000)	(4.945.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.125.000.000	560.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		115.000.000	(1.340.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	
2. Tiền chi trả vốn góp chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.565.000.000	1.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.587.841.111)	(1.200.841.111)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.022.841.111)	(200.841.111)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		895.402.241	(72.199.136)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		225.789.124	1.408.211.537
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(112.416)	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.121.078.949	1.336.012.401

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Chữ ký)

NGUYỄN THỊ THU PHƯỢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Chữ ký)

VÕ TRẦN QUỐC

TP.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2012.
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



(Chữ ký)

BÙI NAM LONG

Trang: 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (tên cũ: Công ty cổ phần xe đạp xe máy Sài Gòn) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300716891 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 9 tháng 12 năm 2003 và thay đổi lần thứ 10 vào ngày 18 tháng 05 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất mua bán linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp, xe gắn máy. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy. Gia công các sản phẩm kim loại. Dịch vụ thiết kế, chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất (không: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Sản xuất, mua bán xe đạp, xe gắn máy, ô tô, phụ tùng thay thế. Sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa, điện máy, điện tử, điện lạnh, thủ công, mỹ nghệ (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại – nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). In bao bì (trừ in tráng bao bì kim loại). Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyên giao công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi. Đào tạo nghề. Đào tạo ngoại ngữ, tin học. Giáo dục mầm non. Giáo dục bậc tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp và cao đẳng. Tư vấn du học, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan gồm: xăng dầu đã tinh chế, xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác. Bán buôn sách (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm.

Vốn điều lệ của Công ty là 87.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại 102A Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán: SVT

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam phù hợp với hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng từ ngày kết thúc năm tài chính, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản thu tại thời điểm cuối năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong năm.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với chi phí vận chuyển, chi phí thu mua. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	8 – 10 năm
Máy móc thiết bị	2 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Tài sản cố định khác	8 – 10 năm
Tài sản cố định vô hình	6 năm

Các khoản đầu tư liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa do chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Thuế

Thuế hiện hành

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/09/2012	01/01/2012
Tiền mặt	655.513.585	93.338.186
Tiền gửi ngân hàng	465.565.364	132.450.938
Tiền gửi VND	463.584.551	130.359.599
Tiền gửi USD	1.980.813	2.091.339
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	1.121.078.949	225.789.124

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

5. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/09/2012	01/01/2012
Nguyên vật liệu	1.343.940.744	2.141.919.593
Công cụ dụng cụ	784.022.072	798.706.469
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	221.911.628	146.027.208
Thành phẩm	3.825.232.897	5.644.643.761
Hàng hóa	23.113.260	10.448.434.719
Hàng gửi đi bán		
Tổng cộng	6.198.220.601	19.179.731.750

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

6.1 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	25.600.000	215.751.000	241.351.000
Mua trong kỳ		-	
Số dư cuối kỳ	25.600.000	215.751.000	241.351.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	13.866.671	215.751.000	229.617.671
Khấu hao trong kỳ	9.600.003		9.600.003
Số dư cuối kỳ	23.466.674	215.751.000	239.217.674
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	11.733.329	-	11.733.329
Tại ngày cuối kỳ	2.133.326	-	2.133.326

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

6.2 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	Phương tiện Vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.434.049.288	5.365.980.203	502.514.450	199.096.298	1.115.336.624	11.616.976.863
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>4.434.049.288</u>	<u>5.365.980.203</u>	<u>502.514.450</u>	<u>199.096.298</u>	<u>1.115.336.624</u>	<u>11.616.976.863</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.862.192.690	4.884.906.618	326.184.472	147.049.565	587.847.853	8.808.181.198
Khấu hao trong kỳ	199.029.888	109.706.925	19.120.122	14.675.058	84.479.004	427.010.997
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>3.061.222.578</u>	<u>4.994.613.543</u>	<u>345.304.594</u>	<u>161.724.623</u>	<u>672.326.857</u>	<u>9.235.192.195</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	<u>1.571.856.598</u>	<u>481.073.585</u>	<u>176.329.978</u>	<u>52.046.733</u>	<u>527.488.771</u>	<u>2.808.795.665</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.372.826.710</u>	<u>371.366.660</u>	<u>157.209.856</u>	<u>37.371.675</u>	<u>443.009.767</u>	<u>2.381.784.668</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

7. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/09/2012	01/01/2012
Công trình trường Việt Mỹ	22.441.794.279	21.796.711.294
Siêu thị sách MetroBooks-Thế giới tuổi thơ tỉnh Hậu Giang	0	2.682.036
Tổng cộng	22.441.794.279	21.799.393.330

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

8.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị: đồng Việt Nam

Công ty liên kết	Tỷ lệ vốn tham gia	30/09/2012	Tỷ lệ vốn tham gia	01/01/2012
Trường tiểu học dân lập Việt Mỹ	35%	875.000.000	35%	875.000.000
Công ty cổ phần văn hóa giáo dục Viễn Đông			30%	5.000.000.000
Trường trung học cơ sở Việt Mỹ (*)	40%	800.000.000	40%	800.000.000
Công ty CP Thương Mại Toàn Lực	23,97%	22.500.000.000	23,97%	22.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	30%	4.260.000.000	30%	4.050.000.000
Trường Trung học Phổ thông Việt Mỹ Anh	40%	800.000.000		
Tổng cộng		29.235.000.000		33.225.000.000

(*)Trường trung học cơ sở Việt Mỹ: vốn phải góp theo giấy phép là 4.000.000.000 đồng.

8.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: đồng Việt Nam

Tên công ty đầu tư	Số lượng cổ phiếu	30/09/2012	Số lượng cổ phiếu	01/01/2012
Đầu tư dài hạn khác		36.502.511.652		31.502.511.652
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông	570.170	9.011.289.000	570.170	9.011.289.000
Công ty cổ phần Chè Minh Rồng	24.300	1.215.000.000	24.300	1.215.000.000
Công ty cổ phần Chè Café Di Linh	20.000	600.432.652	20.000	600.432.652
Công ty cổ phần Giấy Toàn Lực	1.695.000	16.950.000.000	1.800.000	16.950.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Công ty cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	222.579	2.225.790.000	222.579	2.225.790.000
Công ty cổ phần In Khánh Hội	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty cổ phần văn hóa giáo dục Viễn Đông	500.000	5.000.000.000		
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn		(9.594.192.281)		(6.730.609.000)
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông (VID)		(6.331.490.000)		(6.730.609.000)
Công ty cổ phần Chè Café Di Linh		(40.657.836)		
Công ty cổ phần văn hóa giáo dục Viễn Đông		(247.883.298)		
Công ty cổ phần In Khánh Hội		(921.795.311)		
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt		(2.052.365.836)		

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/09/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn		6.345.857.911
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (1)	0	4.945.857.911
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	2.700.000.000	0
Nguyễn Thị Lương	0	550.000.000
Nguyễn Đức Hậu	0	700.000.000
Nguyễn Thanh Thủy	0	150.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	200.841.111
Số dư vay và nợ ngắn hạn	2.700.000.000	6.546.699.022

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/09/2012	01/01/2012
Thuế giá trị gia tăng	414.330.480	314.637.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp	371.864.758	1.040.744.100
Thuế thu nhập cá nhân	10.929.920	33.248.461
Tổng cộng	797.125.158	1.388.630.173

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/09/2012	01/01/2012
Kinh phí công đoàn	18.718.496	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Bảo hiểm xã hội + Bảo hiểm y tế + Bảo hiểm thất nghiệp	6.876.858	10.112.680
Phải trả cổ phần hóa	4.664.502	4.664.502
Phải trả phải nộp khác	10.569.000.000	1.934.000.000
<i>Trường Tiểu Học Dân Lập Việt Mỹ</i>	<i>885.000.000</i>	<i>950.000.000</i>
<i>Trường Trung Học Cơ Sở Việt Mỹ</i>	<i>974.000.000</i>	<i>974.000.000</i>
<i>Sầm Thái Sơn</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cho cổ đông</i>	<i>8.700.000.000</i>	
Tổng cộng	10.599.259.856	1.948.777.182

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/09/2012	01/01/2012
Vay dài hạn		10.923.360.385
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (1)	9.501.360.385	10.923.360.385
Nợ dài hạn - Bộ tài chính (2)	401.682.223	401.682.223
Số dư vay và nợ dài hạn	9.903.042.608	11.325.042.608

(1) Khoản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 theo Hợp đồng tín dụng số 151/HĐTD ngày 07 tháng 08 năm 2010 để đầu tư dự án xây dựng trường Việt Mỹ, lãi suất vay điều chỉnh từng kỳ, thời hạn vay 7 năm, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai là các công trình, vật kiến trúc gắn liền với đất, thiết bị thuộc dự án, giá trị vay tối đa 31.500.000.000 đồng. Theo quyết định số 2849/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 07 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh thì Công ty được ngân sách hỗ trợ toàn bộ lãi vay phục vụ dự án nói trên.

(2) Tiền vay vốn của Bộ Tài Chính để đầu tư dây chuyền sản xuất lốp xe đạp, khoản vay không có tài sản đảm bảo và không tính lãi vay. Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2014.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Cổ đông	Tỷ lệ	30/09/2012	Tỷ lệ	01/01/2012
Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại Viễn Đông	33,27%	28.945.520.000	33,27%	28.945.520.000
Công ty cổ phần Giấy Toàn Lực	7,40%	6.441.000.000	7,40%	6.441.000.000
Các cổ đông khác	59,33%	51.613.480.000	59,33%	51.613.480.000
Tổng cộng		87.000.000.000		87.000.000.000

13.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức được chia

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	30/09/2012	01/01/2012
----------	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	87.000.000.000	87.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	87.000.000.000	87.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

13.3 Cổ phiếu

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	30/09/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.700.000	8.700.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.700.000	8.700.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.700.000</i>	<i>8.700.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.700.000	8.700.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.700.000</i>	<i>8.700.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/1 cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

13.4 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	87.000.000.000	4.800.000.000	-	3.526.899.032	1.130.279.969	10.150.551.295	106.607.730.296
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	3.725.252.849	3.725.252.849
Trích lập các quỹ từ LN năm 2010	-	-	-	-	507.527.565	(507.527.565)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(146.882.984)	-	-	-	(146.882.984)
Trích lập quỹ KT-PL	-	-	-	-	-	(101.505.513)	(101.505.513)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	87.000.000.000	4.800.000.000	(146.882.984)	3.526.899.032	1.637.807.534	13.266.771.066	110.084.594.648
Số dư đầu năm nay	87.000.000.000	4.800.000.000	(146.882.984)	3.526.899.032	1.637.807.534	13.266.771.066	110.084.594.648
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	(567.866.216)	(567.866.216)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	186.262.642	(186.262.642)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	146.882.984	-	-	-	146.882.984
Trích cổ tức 10% từ LN 2011	-	-	-	-	-	(8.700.000.000)	(8.700.000.000)
Số dư cuối kỳ	87.000.000.000	4.800.000.000	0	3.526.899.032	1.824.070.176	3.812.642.208	100.963.611.416

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

14 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý 03/2012	Quý 03/2011
Doanh thu bán hàng	18.984.695.154	60.704.607.015
Doanh thu bán hàng hóa	11.496.073.742	51.655.441.017
Doanh thu bán thành phẩm	7.214.058.776	8.412.638.180
Doanh thu dịch vụ	244.010.908	436.363.635
Doanh thu bán vật tư khác	30.551.728	200.164.183
Các khoản giảm trừ doanh thu	(194.714.491)	(108.227.986)
Chiết khấu thương mại	(135.383.135)	(108.227.986)
Hàng bán bị trả lại	(59.331.356)	
Giảm giá hàng bán		
Tổng cộng	18.789.980.663	60.596.379.029

15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý 03/2012	Quý 03/2011
Giá vốn hàng hóa	11.335.856.914	50.322.826.064
Giá vốn thành phẩm	5.489.724.085	5.943.758.360
Giá vốn dịch vụ		436.363.636
Giá vốn bán vật tư khác		9.174.030
Tổng cộng	16.825.580.999	56.712.122.090

16 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý 03/2012	Quý 03/2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.441.318	4.013.857
Lãi từ mua bán cổ phiếu		
Cổ tức nhận được		
Khác	71.874	73.992
Tổng cộng	2.513.192	4.087.849

17 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý 3/2012	Quý 03/2011
(Hoàn nhập)/ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
Chi phí lãi vay	90.825.000	195.484.026

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Phí chuyển tiền	2.482.081	5.323.192
Chênh lệch tỷ giá		
Tổng cộng	93.307.081	200.807.218

18 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý 03/2012	Quý 03/2011
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	2.286.730.013	4.170.909.941
Chi phí nhân công	581.058.186	891.825.386
Chi phí dụng cụ sản xuất	308.009.717	379.629.285
Chi phí khấu hao	60.991.264	68.427.174
Chi phí bằng tiền khác	169.277.136	180.924.252
Tổng cộng	3.406.066.316	5.691.716.038

19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Quý 03/2012	Quý 03/2011
Lợi nhuận kế toán (1)	438.028.670	1.836.719.490
Cổ tức lợi nhuận được chia (2)		
Chi phí không hợp lý, hợp lệ (3)		66.920.410
Thu nhập chịu thuế (4) = (1) - (2) + (3)	438.028.670	1.903.639.900
Số lỗ chuyển kỳ này (5)	438.028.670	
Thu nhập tính thuế (6) = (4) - (5)	0	1.903.639.900
Thuế suất TNDN (7)	25%	25%
Thuế TNDN (8) = (6) x (7)		475.909.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (9)		137.822.992
Thuế thu nhập DN phải nộp (10) = (8) - (9)		338.086.983

20 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:	Tỷ lệ góp vốn	Mối quan hệ
Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	10,00%	Đầu tư dài hạn
Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	35,00%	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Trường THCS Việt Mỹ	40,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	23,97%	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	30,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Giấy Toàn Lực	17,66%	Đầu tư dài hạn - cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	2,23%	Đầu tư dài hạn
Trường Trung Học Phổ Thông Việt Mỹ Anh	40,00%	Công ty liên kết
Công ty CP Mai Lan		Quan hệ cổ đông

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan:

Nội dung giao dịch

Từ ngày 01/01/2012
đến 30/09/2012

- Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	
Phí khai thác sử dụng mặt bằng	49.090.905
- Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	
Phí khai thác sử dụng mặt bằng	683.341.818
Chi trả tiền mượn	65.000.000
Thu cổ tức năm 2011	525.000.000
Thu tiền phí khai thác sử dụng mặt bằng	3.063.692.485
- Trường Trung học cơ sở Việt Mỹ	
Thu cổ tức năm 2011	600.000.000
- Công ty CP Thương mại Toàn Lực	
Bán hàng hóa trong năm	18.042.166.593
Cho thuê kho	581.818.180
Thu tiền bán hàng, dịch vụ trong năm	22.133.000.000
Mua hàng hóa trong năm	20.828.601.710
Tiền hàng đã thanh toán	15.162.000.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	
Bán hàng hóa trong năm	16.459.288.985
Thu tiền bán hàng trong năm	13.742.445.736
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	955.372.147
Mua hàng hóa trong năm	3.529.774.618

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Phí thuê kho CN Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	836.363.635
Tiền hàng, phí dịch vụ đã thanh toán	15.860.300.000
- Công ty CP Giấy Toàn Lực	
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	179.298.488
Mua hàng hóa trong năm	162.998.626
- Công ty CP ĐT PT GD Hoàng Việt	
Chi góp vốn	210.000.000
- Công ty CP Mai Lan	
Bán hàng hóa trong năm	2.536.378.100
Thu tiền bán hàng trong năm	4.287.933.041
Mua hàng hóa trong năm	4.217.486.664
Tiền hàng đã thanh toán	6.205.111.273
- Trường Trung học phổ thông Việt Mỹ Anh	
Chi góp vốn	800.000.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:	
Nội dung giao dịch	30/09/2012
- Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Viễn Đông	
Phải thu tiền khai thác sử dụng mặt bằng	8.728.800
- Trường Tiểu học Dân lập Việt Mỹ	
Phải trả tiền mượn	885.000.000
Trường Tiểu học Dân Lập Việt Mỹ ứng trước tiền khai thác sử dụng mặt bằng	2.768.108.485
- Trường THCS Việt Mỹ	
Phải trả tiền mượn	974.000.000
- Công ty CP Thương mại Toàn Lực	
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	35.386.621.481
Phải trả tiền hàng	1.160.385.024
- Công ty CP Mai Lan	
Công ty CP Mai Lan ứng trước tiền hàng	875.588.650

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

PHỤ LỤC: BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

ST T	Chỉ tiêu	Kinh doanh giấy thương mại	Sản xuất thiết bị phụ tùng xe máy, xe đạp	Thuê kho, mặt bằng	Doanh thu khác (Vật tư, nguyên liệu)	Tổng bộ phận đã báo cáo
1.	Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài					
2.	Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	39.621.413.578	18.677.021.943	825.829.088	914.997.843	60.039.262.452
3.	Khấu hao và chi phí phân bổ	40.129.199.463	18.252.284.816	657.362.536	88.004.698	59.126.851.513
4.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh từng bộ phận	(507.785.885)	424.737.127	168.466.552	826.993.145	912.410.939
5.	Tài sản Bộ phận	34.852.559.371	11.702.670.247	4.757.555.510	-	51.312.785.128
6.	Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	80.376.459.788
	Tổng tài sản	-	-	-	-	131.689.244.916
7.	Nợ phải trả của bộ phận	7.508.452.159	2.417.741.469	-	-	9.926.193.628
8.	Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	20.799.439.872
	Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	30.725.633.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

PHỤ LỤC: TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/09/2012		01/01/2012		30/09/2012	01/01/2012
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	36.502.511.652	(9.594.192.281)	31.502.511.652	(6.730.609.000)	26.908.319.371	24.771.902.652
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.121.078.949	-	225.789.124	-	1.121.078.949	225.789.124
- Phải thu khách hàng	41.401.312.147	-	40.332.256.878	-	41.401.312.147	40.332.256.878
- Phải thu khác	1.653.045.389	-	1.618.823.773	-	1.653.045.389	1.618.823.773
- Tài sản tài chính khác	10.000.000	-	10.000.000	-	10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG	44.185.436.485	(9.594.192.281)	42.186.869.775	(6.730.609.000)	26.908.319.371	24.771.902.652
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	13.299.259.856	-	17.871.741.630	-	13.299.259.856	17.871.741.630
- Phải trả người bán	1.612.449.858	-	15.215.730.182	-	1.612.449.858	15.215.730.182
- Phải trả khác	1.869.000.000	-	1.934.000.000	-	1.869.000.000	1.934.000.000
TỔNG CỘNG	16.780.709.714	-	35.021.471.812	-	16.780.709.714	35.021.471.812

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 09 năm 2012 và 01 tháng 01 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012

- Lũy kế lợi nhuận đến 30/09/2012 được lấy từ lũy kế trên báo cáo tài chính được soát xét 6 tháng đầu năm bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) cộng với lợi nhuận quý 3/2012.
- Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2012 đạt 438.028.670 đồng, giảm 70,77% so với cùng kỳ năm ngoái nguyên nhân giảm: Do ảnh hưởng của nền kinh tế làm cho hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu giảm 68,99% so với cùng kỳ khiến cho lợi nhuận giảm sút.

TP.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2012.

NGƯỜI LẬP BIỂU



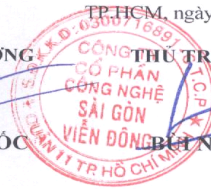
NGUYỄN THỊ THU PHƯỢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ TRẦN QUỐC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TRẦN NAM LONG